**Môn học**:   **Tiếng Việt**   **Tiết 35+ 36**

**Tên bài họ**c:  **-Đọc: Cô gió**

 **-Nghe viết: Ai dậy sớm**

**Thời gian thực hiện**: Thứ Tư ngày 02 tháng 10 năm 2024

**I.YÊU CẤU CẦN ĐẠT**

\*Kiến thức:

1. Nói về lợi ích của gió đối với người và vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích; biết liên hệ bản thân: yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích.*

3. Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt ai/ay.

**\* Phẩm chất, năng lực**

 - Có hứng thú học tập , ham thích lao động

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

 – Một số chong chóng nhiều màu sắc (nếu có) để tổ chức hoạt động khởi động.

– Đoạn viết từ *Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ* để hướng dẫn luyện đọc.

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên**  | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Khởi động(5’)**– Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về lợi ích của gió đối với người và vật. Một vài HS cầm chong chóng chạy và trả lời câu hỏi: Nhờ đâu chong chóng quay được? – HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,… – GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới Cô gió.  | * HS chia sẻ trong nhóm
* HS quan sát
* HS quan sát GV ghi tên bài đọc mới
 |
| **2. Khám phá và luyện tập** 2.1. Luyện đọc thành tiếng (10’)– HS nghe GV đọc mẫu *(Gợi ý: giọng thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của cô gió. Câu cảm đọc giọng ngạc nhiên, tươi vui; lời hát của cô gió đọc vui, nhẹ nhàng).* – GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *miền đất, hình dáng, quay*,…; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Vì tính cô hay giúp người / nên ai cũng yêu cô. //; Hình dáng của cô / là ở những việc có ích / mà cô làm cho người khác. //;…* – HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớ | * HS nghe
* HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp
 |
| 2.2. Luyện đọc hiểu (12’) – Yêu cầu HS giải thích nghĩa của một số từ khó, *VD: khô hạn (khô, không có nước), dáng hình (hình của một vật làm thành vẻ riêng bên ngoài của nó),...* – Yêu cầu HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. – HS nêu nội dung bài đọc – HS liên hệ bản thân: yêu mến cuộc sống, luôn vui tươi, làm việc có ích | * HS giải nghĩa
* HS đọc thầm
* HS chia sẻ

***ND:****Ai cũng yêu quý cô gió vì cô luôn đi khắp đó đây để làm những việc có ích*. |
| 2.3. Luyện đọc lại(8’) – Yêu cầu HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng. – GV đọc lại đoạn từ Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ. – HD HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn *“Cô không có hình dáng đến không bao giờ nghỉ”.* – HS đọc cả bài | ***-***– HS nhắc lại nội dung bài– HS luyện đọc  |
| **3. Viết** **3.1. Nghe – viết (17’)**– Yêu cầu HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn thơ: Điều gì chờ đón những người dậy sớm? – HD HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD*: bước, vừng đông,... ; hoặc do ngữ nghĩa, VD: dậy.* – GV đọc từng dòng thơ để viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học). – HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi. – HS nghe bạn nhận xét bài viết. – HS nghe GV nhận xét một số bài viết | – HS xác định yêu cầu – HS đánh vần– HS nhìn viết vào VBT– HS soát lỗi– HS nghe bạn nhận xét bài viết– HS nghe GV nhận xét một số bài viết |
| **3.2.Luyện tập chính tả (7’)***Phân biệt ai/ay* – Yêu cầu HS đọc yêu cầu BT và đọc lại bài viết. – HD HS tìm trong bài viết các tiếng có vần *ai* hoặc vần *ay* và chia sẻ trong nhóm nhỏ. – HD HS so sánh vần ai và vần ay. | -– HS đọc yêu cầu BT - HS làm việc theo nhóm – HS so sánh |
| **3.3. Luyện tập chính tả (8’)****Phân biệt ai/ay** – Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT 2(c). – HD HS quan sát tranh, nói với bạn các từ ngữ chứa tiếng có vần ai hoặc vần ay phù hợp với hình. (Lưu ý: HS có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, chỉ cần có đúng tiếng chứa vần cần tìm: *cành mai/ nhành mai/ hoa mai/ mai vàng/ bông mai – quả vải/ trái vải / chùm vải – bao tay/ găng tay/ tất tay – váy đầm/ váy dài)* – HD HS viết các từ ngữ tìm được vào VBT (Lưu ý: GV có thể cho HS đặt câu (nói) có từ ngữ chứa ai/ây đã tìm được). – HS nghe bạn nhận xét và GV nhận xét bài làm. | ­– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).– HS quan sát tranh và nêu kết quả* HS thực hiện
 |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm ( 3’)**(?) Nêu lại nội dung bài - Nhận xét, đánh giá.- Về học bài, chuẩn bị  | - Nhận xét, tuyên dương.- Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………